TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2022
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT-TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Anh
2. Ông Võ Huy Luận

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên-Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 313/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1995 (Có mặt)
Địa chỉ: khu phố 7, phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Trần Huỳnh B, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố 9, phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 21/9/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị A trình bày, về quan hệ hôn nhân: bà và ông Trần Huỳnh B tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 256 ngày 29/10/2018. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn đã mạnh ai nấy sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Về con chung: không có con chung.Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Huỳnh B vắng mặt tại phiên tòa, có gởi đơn xin vắng, có nộp bản tự khai; không có mặt tại phiên hòa giải, Tòa án không hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về hôn nhân, bà Đỗ Thị A được ly hôn ông Trần Huỳnh B; về tài sản và nợ chung bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí bà Đỗ Thị A phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Đỗ Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Huỳnh B có nơi cư trú tại thành phố Phan Thiết; về con chung, ông bà không có con chung. Đây là vụ kiện " Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông B nhưng ông B không tham gia phiên hòa giải nhưng vẫn nộp bản tự khai, làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo qui định, thể hiện ý chí đồng ý ly hôn,Tòa án đã tiến hành lập biên bản đúng theo quy định của khoản 1 Điều 175 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông theo quy định của khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: bà Đỗ Thị A và ông Trần Huỳnh B tự nguyện tìm hiểu sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND phường phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 256 ngày 29/10/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà A cho rằng, cuộc sống hôn nhân không được như ý muốn, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn đã mạnh ai nấy sống, cả hai không còn hợp nhau, không thể hàn gắn được nữa. Nay bà xét tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục sống chung, ông bà đã tự sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, bà yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho bà sớm được ly hôn với ông B, ông B biết bà nộp đơn yêu cầu ly hôn và Tòa án đang giải quyết vụ kiện nhưng không đến Tòa án tham gia hòa giải; điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2]. Về con chung: ông bà không có con chung nên HĐXX không xét.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: nguyên đơn bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: bà A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tạm ứng án phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị A đối với ông Trần Huỳnh B; bà Đỗ Thị A được ly hôn ông Trần Huỳnh B.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà Đỗ Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

3. Về án phí: bà Đỗ Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình. Bà Đỗ Thị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự về Hôn nhân gia đình sơ thẩm tại biên lai thu số 0004139, ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, bà A đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đỗ Thị A được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/01/2022).

Bị đơn ông Trần Huỳnh B vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) , thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- *Các đương sự,*
- *VKSND TP.Phan Thiết;*
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *Chi cục THADS TP.Phan Thiết;*
- *UBND nơi các đương sự ĐKKH*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Ngọc